

Bản án số: **01/2018/DS-ST**
Ngày: 09-01-2018.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
cho thuê xe*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung.
Bà Trần Thị Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Tường Viên – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Triệu Hoàng Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017; Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng cho thuê xe* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Bảo Q, sinh năm 1983

Cư trú tại: Tổ dân phố TC, phường NG, thị xã NH, tỉnh KH, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Duy D, sinh năm 1983

Cư trú tại: Tổ dân phố 6, phường NH, thị xã NH, tỉnh KH, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Bảo Q trình bày:

Ông là chủ cửa hàng xe máy LKQ với ngành nghề kinh doanh là cho thuê xe máy. Vào ngày 21/11/2016, ông cho ông Phạm Duy D thuê chiếc xe máy loại Sirius nhãn hiệu Yamaha màu sơn đỏ đen biển số 79H1-201.10 số tiền thuê xe là 100.000đ/ngày mục đích thuê làm phương tiện đi lại, thời gian thuê 01 tháng. Ngày 29/11/2016 ông Phạm Duy D có đóng tiền thuê xe là 800.000đ. Đến ngày 14/3/2017 ông nhận lại chiếc xe máy đã cho thuê. Từ đó đến nay ông đã đòi ông D trả số tiền thuê xe còn nợ nhiều lần nhưng ông D cố tình lẩn tránh không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền thuê xe từ ngày 29/11/2016 đến ngày 14/3/2017 là 105 ngày với số tiền 10.500.000đ vào một lần không yêu cầu lãi suất.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Duy D trình bày:

Ông thừa nhận có ký hợp đồng thuê xe máy của ông Phạm Bảo Q, giá thuê, thời gian thuê như trình bày của ông Q. Ông đã trả tiền thuê xe là 800.000đ và chỉ còn nợ ông Q 11 ngày tiền thuê xe tức là 1.100.000đ. Tuy nhiên, ông không muốn nói qua lại nên chấp nhận còn nợ và trả cho ông Q 10.500.000đ như yêu cầu của ông Q, nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông yêu cầu được trả dần hàng tháng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã chấp hành đúng trình tự tố tụng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng cho thuê xe vào ngày 21/11/2016, theo đó ông Q cho ông D thuê xe máy biển kiểm soát 79H1-201.10 số tiền thuê xe là 100.000đ/ngày, thời hạn thuê là 01 tháng, xét thấy hợp đồng giữa các bên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D chỉ trả được 800.000đ tiền thuê xe còn nợ 10.500.000đ là vi phạm hợp đồng nên yêu cầu của ông Q là có căn cứ. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Bảo Q buộc ông Phạm Duy D phải trả 10.500.000đ cho ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 21/11/2016, giữa ông Phạm Bảo Q với ông Phạm Duy D có ký kết hợp đồng cho thuê xe, theo đó ông Q cho ông D thuê xe máy biển kiểm soát 79H1-201.10 số tiền thuê xe là 100.000đ/ngày, thời hạn thuê là 01 tháng. Nội dung, hình thức của hợp đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa công nhận hợp đồng được ký kết giữa các bên là hợp pháp.

Xét yêu cầu ông Phạm Duy D trả 10.500.000đ tiền thuê xe của ông Phạm Bảo Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cho thuê xe máy được ký kết giữa ông Q và ông D là hợp pháp có hiệu lực thi hành nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ông D thuê xe nhưng chỉ trả được 800.000đ tiền thuê trong khi vẫn sử dụng xe của ông Q đến ngày 14/3/2017 là vi phạm hợp đồng. Hơn nữa, tại phiên tòa ông D chấp nhận trả tiền thuê xe theo yêu cầu của ông Q với số tiền thuê còn nợ là 10.500.000đ nên yêu cầu của ông Q là có căn cứ. Ông D cho rằng hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu ông Q cho trả dần hàng tháng, ông Q không chấp nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông D là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Duy D phải trả cho ông Phạm Bảo Q 10.500.000đ tiền thuê xe.

Về án phí: Do yêu cầu của ông Phạm Bảo Q được chấp nhận nên ông Phạm Duy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đ x 5% = 525.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14.

Hoàn trả cho ông Phạm Bảo Q số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 472, 473, 474, 481 và 482 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Phạm Duy D phải trả cho ông Phạm Bảo Q số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Ông Phạm Duy D phải nộp 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Bảo Q số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003375 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Xuân Thi